



20/1/21

**DAILY** MORNING

VN-Index điều chỉnh giảm  
xuống hỗ trợ 1130 điểm



|                   | 20/1     | % Sáng<br>20/1 | 19/1     | % Ngày<br>19/1 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|----------------|----------|----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                | 1,131.00 | -5.11%         | -5.14% | 7.53%   |
| S&P 500           |          |                | 3,798.91 | 0.81%          | -0.02% | 2.82%   |
| S&P500<br>Futures | 3,798.75 | 0.22%          | 3,790.50 | 0.75%          | 0.11%  | 2.84%   |
| Shanghai          |          |                | 3,596.22 | -0.83%         | -1.16% | 4.74%   |
| Euro Stoxx        |          |                | 3,595.42 | -0.20%         | -0.46% | 1.48%   |



Nguồn: Bloomberg, BSC

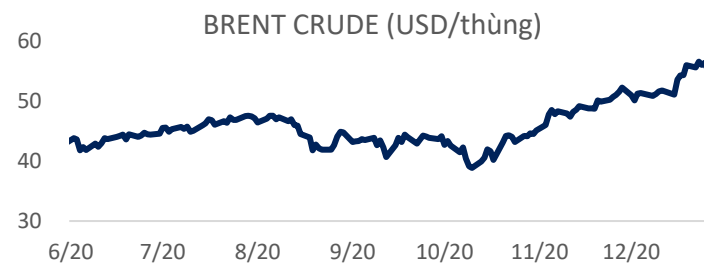
| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | PTKT                |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Bộ trưởng Tài chính Mỹ Janet Yellen cho rằng nhà chức trách cần phải đẩy mạnh chi tiêu công hơn nữa, khi cho rằng lợi ích kinh tế vượt xa rủi ro nợ nần.</li> <li>Theo Reuters, tân tổng thống Joe Biden đang xem xét tạo lập vị trí về vấn đề chống độc quyền trong chính quyền mới.</li> <li>8/11 ngành cấp 1 thuộc S&amp;P500 tăng điểm. Những ngành tích cực nhất là: Năng lượng (+2.08%), Dịch vụ viễn thông (+1.87%), Công nghệ thông tin (+1.31%). Những ngành tiêu cực nhất là: Bất động sản (-0.54%), Tiêu dùng thiết yếu (-0.44%), Dịch vụ tiện ích (-0.37%).</li> </ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Kháng cự 3800       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Hỗ trợ 3150         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Kháng cự 3600       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Hỗ trợ 3000         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Điểm PTKT TRUNG LẬP |



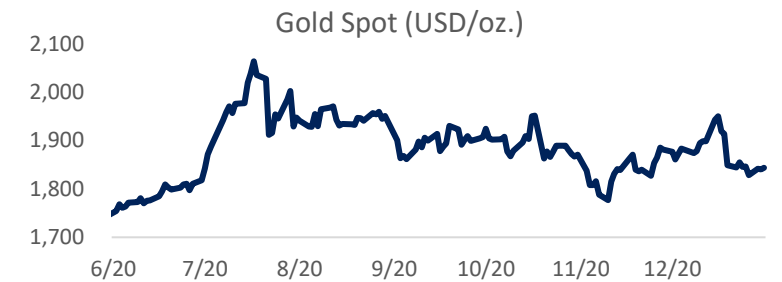
Nguồn: Bloomberg, BSC

| Mặt hàng     | Đơn vị   | 20/1     | % Sáng<br>20/1 | 19/1    | % 19/1 | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|----------------|---------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 53.17    | 0.36%          | 52.98   | 1.18%  | -0.08% | 10.77%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. |          |                | 55.90   | 2.10%  | -1.20% | 9.48%   | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 154.16   | 0.23%          | 153.81  | 0.63%  | -0.73% | 0.14    | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,843.54 | 0.18%          | 1840.28 | -0.05% | -0.11% | -2.01%  | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 25.34    | 0.46%          | 25.22   | -0.51% | 0.47%  | -1.82%  | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USd/bu.  | 1,385.75 | -2.19%         | 1416.75 | 0.00%  | 0.97%  | 16.57%  | DBC, QNS           | HKB                |
| WHEAT        | USd/bu.  | 672.25   | -0.48%         | 675.50  | 0.00%  | 5.91%  | 12.09%  | AFX                |                    |
| MILK         | USD/cwt  |          |                | 17.70   | -4.22% | -5.25% | 2.31%   | KDC                | VNM, GTN, QNS      |
| RUBBER       | JPY/kg   | 238.30   | 0.59%          | 236.90  | -2.99% | -0.38% |         | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |                | 16.10   | -2.13% | 2.74%  | 13.30%  | VNM, GTN, QNS      | SBT, LSS, SLS, QNS |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |                | 127.15  | -0.78% | 4.69%  | 2.01%   | VCF, CTP           | CTP, DLG           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |                | 7954.00 | -0.22% | -0.27% | 2.20%   | CAV, SAM, TGP, VTH | MSN, ACM, BGM      |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 4,329.00 | -1.01%         | 4373.00 | 0.11%  | 0.12%  | 1.15%   | PC1, CTD, HBC      | HSG, HPG, NKG      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |                | 1964.00 | -0.41% | -2.75% | -3.23%  | CAV, SAM, TGP, VTH |                    |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 1,051.00 | -0.52%         | 1056.50 | -0.42% | 1.25%  | 0.72%   | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |                | 83.95   | -3.56% | -6.15% | 1.94%   | HT1, BCC, PPC, POW | HLC, NBC, TNT, THT |

Ghi chú: USd = US Cent



Nguồn: Bloomberg, BSC



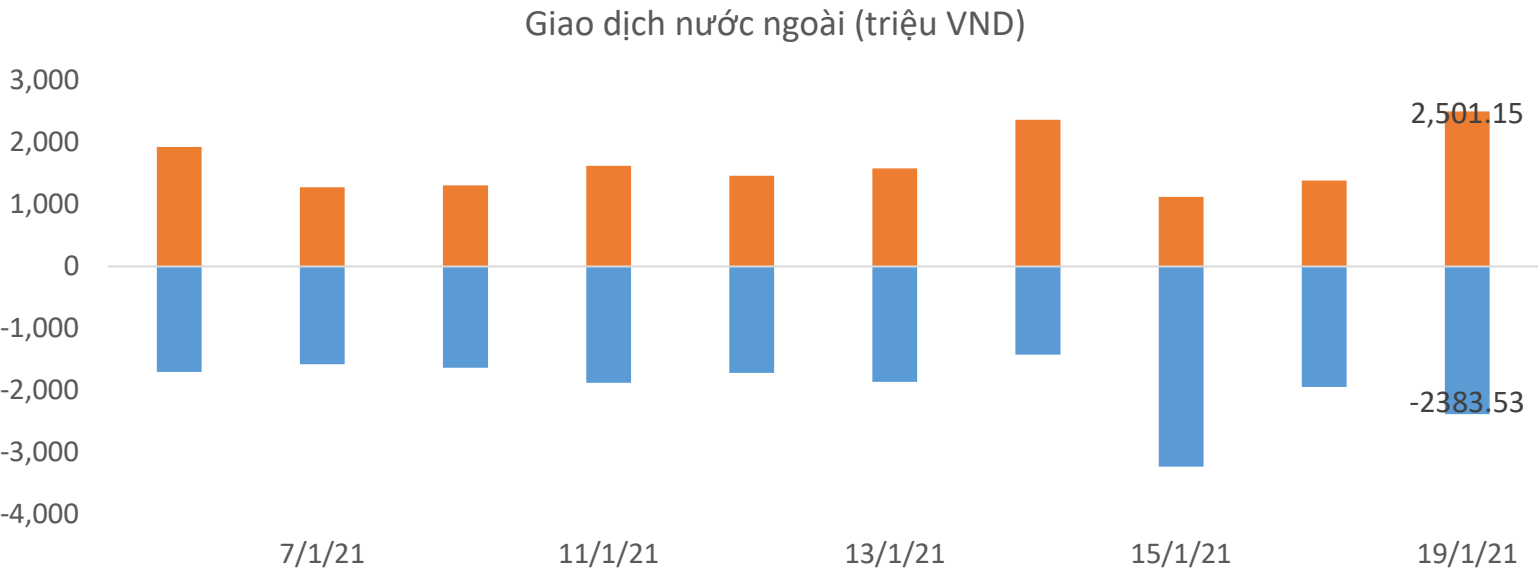
Nguồn: Bloomberg, BSC



# ETF FTSE, E1, Diamond, Premia tăng nhẹ quy mô

| ETF       | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng<br>chỉ quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |      |       |       | Nhận định                                                                                                                  |
|-----------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|------|-------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W   | 1M    | 3M    |                                                                                                                            |
| VNM       | 488.0            | 18.4            | 0.00               | 0.3%         | 0.0                       | 2.8  | 13.1  | 10.5  | ETF FTSE, E1, Diamond và FUEMAVN30 tăng quy mô. Các ETFs khác cân bằng duy trì quy mô hiện tại.                            |
| FTSE      | 404.9            | 38.6            | 0.1                | 0.6%         | 3.0                       | 7.1  |       |       |                                                                                                                            |
| iShare    | 435.2            | 29.9            | 0.0                | -0.6%        | 0.0                       | 0.0  | 0.0   | 0.0   |                                                                                                                            |
| E1VFN30   | 355.2            | 0.8             | 0.6                | 0.8%         | 0.5                       | 18.3 | 22.3  | 21.2  |                                                                                                                            |
| FUEVFN30  | 272.0            | 0.8             | 8.9                | 2.0%         | 6.8                       | 25.7 | 58.5  | 121.8 | Khối ngoại mua ròng ở nhiều quốc gia trong khu vực, ngoại trừ tại thị trường Malaysia, Philippines, Sri Lanka và Thái Lan. |
| FUESSVFL  | 51.7             | 0.6             | 0.1                | 1.3%         | 0.0                       | 0.0  | 4.9   | 0.3   |                                                                                                                            |
| FUESSVN30 | 2.9              | 0.6             | 0.00               | 2.3%         | 0.0                       | 0.0  | 0.0   | -0.4  |                                                                                                                            |
| FUEMAVN30 | 13.4             | 0.6             | 0.50               | 0.7%         | 0.3                       | 3.4  | 5.4   |       |                                                                                                                            |
| VN100     | 4.0              | 0.7             | 0.0                | 3.8%         | 0.0                       | 0.0  | 0.0   | -0.1  |                                                                                                                            |
| KIM       | 202.5            | 15.1            | 0.0                | -1.3%        | 0.0                       | -6.0 | -30.6 | -34.0 |                                                                                                                            |
| PREMIA    | 31.6             | 11.8            | -                  | 0.3%         | -                         | 0.7  | 4.2   | 4.4   |                                                                                                                            |

| Khối ngoại<br>(tr. USD)                               | Ngày   | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|--------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                                              | 4.54   | -27.36                | -163.71                |
| ASEAN4*                                               | -16.67 | 76.68                 | -85.00                 |
| Ấn Độ                                                 | 266.52 | 266.52                | 2562.66                |
| Đài Loan                                              | 150.23 | 233.83                | 2902.25                |
| Hàn Quốc                                              | 601.00 | 435.28                | 64.30                  |
| Nhật Bản                                              |        | 5,588.80              | 4760.30                |
| Trung Quốc                                            |        |                       | -16562.35              |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |        |                       |                        |
| Credit Default Swap                                   |        | MoM %                 |                        |
| Việt Nam                                              |        | -3.89                 |                        |
| Thái Lan                                              |        | 7.01                  |                        |
| Singapore                                             |        | -3.89                 |                        |
| Phillippines                                          |        | 18.78                 |                        |
| Malaysia                                              |        | 18.16                 |                        |



Nguồn: Fiinpro, BSC



## Tin vĩ mô

- Theo Viện Kinh tế Việt Nam (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam dự báo đạt 5.49% (kịch bản cơ sở), 6.9% (kịch bản cao) và 3.48% (kịch bản thấp). Khả năng đạt được mỗi kịch bản trong thực tế phụ thuộc vào tình hình kinh tế thế giới và sự tăng cường năng lực hấp thụ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).
- Theo đại diện Ủy ban Chứng khoán Nhà nước dư nợ margin tới 31/12/2020 là gần 81.000 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu của các CTCK là 87,000 tỷ đồng.
- Tập đoàn Foxconn khảo sát địa điểm đầu tư tại Thanh Hóa, để đầu tư dự án sản xuất thiết bị điện tử có tổng vốn đầu tư 1.3 tỉ đô la, doanh số xuất khẩu 10 tỉ đô la/năm.

## Thông số kỹ thuật

|          |            |
|----------|------------|
| Xu hướng | Điều chỉnh |
| Chỉ báo  | Trung lập  |
| Kháng cự | 1200       |
| Hỗ trợ   | 1100       |



Nguồn: FireAnt, BSC

- SEB: Thông báo kết quả kinh doanh 2020 với doanh thu hơn 177 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế gần 111 tỷ đồng. Năm 2021, SEB đặt mục tiêu doanh thu hơn 150 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế gần 87 tỷ đồng.
- SWC: Doanh thu quý 4/2020 của SWC đạt 155 tỷ đồng, tăng 55% so cùng kỳ; lợi nhuận gộp thu được gần 60 tỷ đồng, tăng 131%. Sau khi trừ chi phí, SWC báo lãi ròng quý 4/2020 gần 55 tỷ đồng, tăng 739% (gấp 8,4 lần) kết quả cùng kỳ. Cộng với 3 quý đầu năm, SWC có kết quả lãi ròng cả năm 2020 gần 149 tỷ đồng, gấp gần 2,2 lần thực hiện trong 2019.
- SZL: Đã công bố Báo cáo tài chính quý IV/2020 với doanh thu thuần giảm 3% so với cùng kỳ năm trước xuống 95 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế giảm nhẹ 1% xuống 28,6 tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2020, SZL ghi nhận doanh thu thuần 359 tỷ đồng, giảm nhẹ 3% so với năm 2019 và lợi nhuận sau thuế giảm 1% xuống 102 tỷ đồng.
- HND: Lũy kế năm 2020, doanh nghiệp đạt doanh thu gần 10.866 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1.528 tỷ đồng, lần lượt giảm 4% và tăng 23% so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế cả năm đạt gần 1.452 tỷ đồng, tăng 24%.
- PGV: Công ty cổ phần – Đã công bố kết quả kinh doanh ước tính trong năm 2020 với lợi nhuận trước thuế đạt 2.244 tỷ đồng, hoàn thành vượt 47,45% kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua và gấp 1,53 lần năm 2019. Nguyên nhân chính đến từ khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá không còn lớn như năm trước.
- DVP: Ngày 25/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 26/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 08/2/2021.
- S4A: Ngày 21/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 22/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 03/2/2021.
- HTC: Ngày 21/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 3 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 22/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 3%, thanh toán bắt đầu từ ngày 05/2/2021.
- TMS: Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải, cổ đông, tổ chức có liên quan đến ông Bùi Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT đã bán bất thành toàn bộ hơn 2,25 triệu cổ phiếu TMS sở hữu, tỷ lệ 3,14% từ ngày 18/12/2020 đến 15/1/2021. Liên quan ông Ngọc, CTCP Đầu tư Toàn Việt cũng đã bán bất thành 2 triệu cổ phiếu TMS đăng ký bán từ ngày 17/12/2020 đến 15/1/2021.
- HNG: Võ Thị Mỹ Hạnh, Thành viên HĐQT đã bán ra toàn bộ 505.000 cổ phiếu HNG sở hữu, tỷ lệ 0,046% trong ngày 15/1 theo phương thức khớp lệnh.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*



# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)

(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)

(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)

(+84)2437173639